



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ



QUY CHẾ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	3
Điều 3. Định nghĩa và giải thích.....	3
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	5
CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN	5
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	5
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	6
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	6
Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát	6
Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	8
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	8
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	9
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....	10
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	12
Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. 13	
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	13
Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát	13
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	14
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm	14
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích hợp pháp khác của Kiểm soát viên	15
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	15
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	16
Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên.....	16
Điều 22. Mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.....	16
Điều 23. Mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị	17
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	18
Điều 24. Sửa đổi Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	18
Điều 25. Hiệu lực thi hành	18

Quy chế (sửa đổi, bổ sung) này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả thông qua tại Nghị quyết số 06/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

ĐIỀU 3. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

- Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - “**Công ty**” là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ;
 - “**Quy chế**” là Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - “**Điều lệ Công ty**” là Điều lệ của Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - “**Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
 - “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
 - “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
 - “**Cổ đông**” nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công ty;

- h) **“Đại hội đồng cổ đông”** nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
- i) **“Hội đồng quản trị”** nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
- j) **“Ban Kiểm soát”** nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty;
- k) **“Người quản lý Công ty”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- l) **“Người điều hành Công ty/Ban Điều hành/Ban Tổng Giám đốc”** là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- m) **“Người nội bộ của Công ty”** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và điểm k khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty, bao gồm:
- (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - (iii) Tổng Giám đốc;
 - (iv) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - (v) Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - (vi) Thư ký Công ty;
 - (vii) Người phụ trách quản trị Công ty;
 - (viii) Người được ủy quyền công bố thông tin.
- n) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và điểm l khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty, bao gồm:
- (i) Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - (ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - (iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - (iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - (v) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - (vi) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- (vii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một cơ quan Nhà nước nào ban hành (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tùy từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Quy chế này.
 4. Các từ ngữ được quy định tại Quy chế này mà không được định nghĩa hoặc giải thích tại Điều này (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) có ý nghĩa tương tự như trong Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II KIỂM SOÁT VIÊN

ĐIỀU 5. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; trong đó, có quyền tiếp nhận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.
2. Kiểm soát viên có nghĩa vụ sau đây:
 - a) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp vi phạm quy định về nghĩa vụ tại khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 6. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG KIỂM SOÁT VIÊN

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 (ba) Kiểm soát viên, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú tại Việt Nam.
3. Trường hợp tất cả Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 7. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty và công ty mẹ của Công ty;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - g) Không phải là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty mẹ của Công ty và tại Công ty;
 - h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những Kiểm soát viên được bầu bổ sung, thay thế.

ĐIỀU 8. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong

các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 9. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên.
2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác mà ứng viên đang nắm giữ, bao gồm cả chức danh Kiểm soát viên của công ty khác;
 - e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty trong trường hợp ứng cử viên đó đang làm Kiểm soát viên của Công ty;
 - f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - g) Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
 - h) Các thông tin khác (nếu có).
3. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các Cổ đông phổ thông tự mình đề cử hoặc có thể tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời, thông báo cho Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện đề cử.
 - b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên và tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần phổ thông tại Công ty, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. CÁC THỨC BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 11. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THAY THẾ VÀ BỔ SUNG KIỂM SOÁT VIÊN

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Kiểm soát viên không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Điều 7 Quy chế này;
 - b) Kiểm soát viên có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định, quy chế khác của Công ty;
 - d) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Kiểm soát viên ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
 4. Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

ĐIỀU 12. THÔNG BÁO VỀ VIỆC BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác, bao gồm cả chức danh Kiểm soát viên của công ty khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty trong trường hợp ứng cử viên đó đang làm Kiểm soát viên của Công ty;
 - g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 13. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty. Cụ thể, Ban Kiểm soát có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - d) Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
 - f) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên;
 - g) Thực hiện kiểm tra theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty; được nhận các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các tài liệu có liên quan cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

- j) Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác của Công ty vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- k) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- l) Có quyền tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- m) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- o) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- p) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- q) Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác của Công ty;
- r) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty;
- s) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác của Công ty;
- t) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông;
- u) Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- v) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- w) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

- (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích hợp pháp khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ Công ty;
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;
 - (iii) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - (iv) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (v) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - (vi) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.
- x) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh hoặc địa điểm khác, có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
 - y) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Ban Kiểm soát phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 14. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 15. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG VIỆC TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 16. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (*hai*) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (*hai phần ba*) số Kiểm soát viên.
2. Ban Kiểm soát có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người triệu tập họp Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

ĐIỀU 17. BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT

1. Các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm

bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập chi tiết, rõ ràng và đảm bảo các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và thông qua tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và người ghi biên bản.
 - j) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp người ghi biên bản và/hoặc thành viên dự họp từ chối ký biên bản họp Ban Kiểm soát nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Ban Kiểm soát tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ điểm i khoản 1 Điều này, thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc người ghi biên bản và/hoặc Kiểm soát viên dự họp từ chối ký biên bản họp.
 3. Chủ tọa cuộc họp, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban Kiểm soát.
 4. Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

ĐIỀU 18. TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM

Các báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát;

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ Công ty;
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;
5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.
9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

ĐIỀU 19. THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích hợp pháp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích hợp pháp khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh khác một cách hợp lý khi họ thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng mức chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập chi tiết thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 20. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Việc công khai các lợi ích liên quan của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà Kiểm soát viên làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của Kiểm soát viên cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (*mười phần trăm*) vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
 4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của Kiểm soát viên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 21. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC KIỂM SOÁT VIÊN

1. Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

ĐIỀU 22. MỐI QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty. Ban Kiểm soát có chức năng giám sát Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty vì mục tiêu lợi ích hợp pháp cao nhất cho Công ty.
2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty báo cáo và cung cấp tài

liệu do Công ty phát hành. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm phối hợp cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

3. Tại các cuộc họp của Ban Điều hành Công ty, Tổng Giám đốc căn cứ vào tính chất, nội dung cuộc họp để thông báo mời đại diện Ban Kiểm soát tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Ban Kiểm soát có quyền cử đại diện tham gia các cuộc họp của Công ty theo thông báo mời họp hoặc khi xét thấy cần thiết.
4. Ban Điều hành có trách nhiệm triển khai các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, điều hành Công ty đã được chỉ ra trong báo cáo đánh giá hoặc kết luận kiểm tra của Ban Kiểm soát; đồng thời, phải thông tin kịp thời cho Ban Kiểm soát tiến độ, kết quả xử lý, khắc phục đó.
5. Khi phát hiện Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban Điều hành Công ty vi phạm trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Khi phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Tổng Giám đốc và/hoặc Ban Điều hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 23. MỐI QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập, phối hợp chặt chẽ và liên tục, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Các nghị quyết, quyết định, báo cáo và các văn bản khác của Hội đồng quản trị ban hành hoặc thông qua phải được gửi cho Kiểm soát viên đảm bảo đầy đủ và kịp thời. Hội đồng quản trị phải cung cấp thông tin, gửi các nghị quyết, quyết định, báo cáo và các tài liệu, hồ sơ khác cho Kiểm soát viên khi có yêu cầu.
3. Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác của Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ, quy định, quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị phải chỉ đạo xử lý, giải quyết ngay vấn đề theo thông báo, phản ánh của Ban Kiểm soát và thông báo kết quả xử lý, giải quyết cho Ban Kiểm soát.
4. Hội đồng quản trị phải thông báo ngay bằng văn bản đến Ban Kiểm soát nếu phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời các vấn đề được nêu trong các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản

